

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 014/TO TK/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại, Dịch Vụ và Phân Phối Tổng Hợp tại Tam Kỳ

Địa chỉ: 01 Phan Chu Trinh, phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 04.393 88776

Mã số doanh nghiệp: 0102313379-003

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 17/GCNATTP-SCT, cấp ngày 10/08/2020 tại tỉnh Quảng Nam

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **BÁNH BRIOCHE**
- Thành phần: Bột mì, trứng gà, nước, bơ lạt, đường (13%), men tươi, muối, Toupan BigC (tinh bột, chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100))
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 ngày kể từ ngày sản xuất.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 42 g, 252 g, 250 g, 450 g hoặc theo nhu cầu của khách hàng.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa/ túi nhựa hoặc hộp giấy.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại, Dịch Vụ và Phân Phối Tổng Hợp tại Tam Kỳ - 01 Phan Chu Trinh, phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|----------------|-------------|-------------------|
| 1 | Deoxynivalenol | µg/kg | 500 |
| 2 | Zearalenone | µg/kg | 50 |

- Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|---------------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | 10 ⁴ |
| 2 | Coliforms | CFU/g | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/g | 3 |
| 4 | S. aureus | CFU/g | 10 |
| 5 | Cl.perfringens | CFU/g | 10 |
| 6 | B.cereus | CFU/g | 10 |
| 7 | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g | 10 ² |



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ngày 25 tháng 08 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



ĐÍNH KÈM :

NỘI DUNG NHÃN DỰ THẢO

BÁNH BRIOCHE

Thành phần: Bột mì, trứng gà, nước, bơ nhạt, đường (13%), men tươi, muối, Toupan BigC (tinh bột, chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100))

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nơi khô thoáng. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng: 2 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại, Dịch Vụ và Phân Phối Tổng Hợp tại Tam Kỳ.

01 Phan Chu Trinh, phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Số tự công bố: 014/TO TK/2020





Số/Nº: 0931/4 - K8/ 3323 /KT2-HC2

Ngày/Date of issue: 23/6/2020

Trang/Page: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: **BÁNH BRIOCHE**
- Ký hiệu mẫu/Mark of sample:
- Số lượng mẫu/Quantity: **01**
- Tình trạng mẫu/State of sample: **Mẫu khoảng 250g, chứa trong hộp nhựa**
- Khách hàng/Client: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP TẠI TAM KỲ**
- Địa chỉ/Address: **Số 7 Phan Chu Trinh, phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**
- Ngày nhận mẫu/Date of: **12/6/2020**
- Ngày thử nghiệm/Date of testing: từ ngày/from: **12/6/2020** đến ngày/to: **22/6/2020**
- Kết quả thử nghiệm/Test results:

| TT/ Item | TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ Test property, unit | PHƯƠNG PHÁP THỬ/ Test method | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result |
|-------------|---|---------------------------------|------------------------------------|
| 1 | Deoxynivalenol µg/kg | KT2.K8.TN-07/S | KPH (MDL = 150) |
| 2 | Zearalenone µg/kg | KT2.K8.TN-07/S | KPH (MDL = 5,0) |
| 3 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí CFU/g | TCVN 4884-1:2015 | KPH (< 10) |
| 4 | Coliforms CFU/g | TCVN 6848:2007 | KPH (< 10) |
| 5 | E.coli MPN/g | TCVN 6846:2007 | KPH (< 3) |
| 6 | Clostridium perfringens CFU/g | TCVN 4991:2005 | KPH (< 10) |
| 7 | Bacillus cereus CFU/g | TCVN 4992:2005 | KPH (< 10) |
| 8 | Staphylococcus aureus CFU/g | TCVN 4830-1:2005 | KPH (< 10) |
| 9 | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc CFU/g | TCVN 8275-2:2010 | KPH (< 10) |

Ghi chú/Notes:

- KPH: không phát hiện/Not detectable;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi/The test results are valid only for the received sample from client;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample, mark, client and address are named by client's requirements;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.
- (NA): Phép thử chưa được BoA công nhận/Test method is not accredited by BoA.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

PHỤ TRÁCH PHÒNG KỸ THUẬT 8
Head of Technical Division 8


Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
Director




PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

KT2.QT.30/B.05/02.04.2019